TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/HSST
Ngày 14/12/2017

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Xuân Trái - Nguyên phó Chủ tịch MTTQ xã Viên An, UH
Ông Đinh Trọng Kim - Trưởng thôn Văn Cao, Tảo Dương Văn, UH
- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà:
Bà Tưởng Thị Lan **-** Cán bộ Toà án nhân dân huyện □ng Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà:
Ông Đỗ Khắc Toán - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện □ng Hòa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo;

Lê Văn V - sinh năm 1976. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn ML, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội. Dân Tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12. Con ông: Lê Mạnh H *(đã chết)*; Con bà: Nguyễn Thị V - sinh năm 1952; trú tại thôn ML, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội. Anh chị em ruột: Có 06 ng- ời, bị cáo là thứ hai. Vợ: Tạ Thị M - sinh năm 1979, con: có 02 con *{Con lớn sinh năm 2000 (đã chết); 01 con sinh năm 2003}*, trú tại: thôn ML, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội. Theo danh chỉ bản số 159, lập ngày 30/6/2017 tại Công an huyện □ng Hoà và bản trích lục tiền án, tiền sự thì bị cáo Lê Văn V không có tiền sự. Tiền án: Bản án số 07/2011/HSST ngày 28/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xử phạt Lê Văn V 30 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy - chấp hành xong ra trại ngày 01/02/2013. Bản án số 50/2014/HSST ngày 31/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện UH xử phạt Lê Văn V 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy - chấp hành xong ra trại ngày 03/3/2016.

Bị cáo Lê Văn V bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 30/6/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố Hà Nội *(có mặt tại phiên Toà).*

**** Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Hoàng Văn B - sinh năm 1960; bà Đoàn Thị H - sinh năm 1960; đều trú tại: thôn KB, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội *(có mặt).*

2. Anh Nguyễn Văn Vương - sinh năm 1990; trú tại: thôn DĐ, xã ĐH, huyện UH, thành phố Hà Nội *(vắng mặt).*

3. Anh Ngô Văn K - sinh năm 1987; trú tại: xóm 4, xã TS, huyện KB, tỉnh Hà Nam *(vắng mặt)*.

4. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1957; thôn ML, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung cáo trạng thì bị cáo Lê Văn V bị Viện tr- ởng Viện kiểm sát nhân dân huyện □ng Hoà truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 10giờ 20phút ngày 30/6/2017, Đội Cảnh sát ĐTTP về KT-CV-MT Công an huyện UH phối hợp với Ban Công an xã HL, UH làm nhiệm vụ tại đường làng ML, HL, UH phát hiện Ngô Văn K có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính đối với K. Quá trình kiểm tra, K tự nguyện giao nộp cho lực lượng Công an 01 gói nilon màu đen, bên trong bọc B giấy, trong cùng có bột màu trắng; Ngô Văn K khai nhận đó là ma túy vừa mua của đối tượng biết rõ tên là V , nhà ở ML, HL, UH với giá 200.000 đồng. K còn khai, do nghiện ma túy và cần chất ma túy để thỏa mãn cơn nghiện nên đã mua số ma túy này của V để sử dụng cho bản thân. Lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng đã thu giữ của K (*mẫu vật chứng kí hiệu A1*).

Từ lời khai của Ngô Văn K, lực lượng Công an huyện UH dẫn giải K tới địa điểm nhà đối tượng tên là V như K khai là đối tượng đã bán ma túy cho K ở ML, HL, UH để kiểm tra hành chính (*do V đang sửa chữa công trình phụ của nhà V nên đã mượn của anh Nguyễn Văn K ngôi nhà đối diện với nhà V để sử dụng là nơi nấu ăn)*. Khi dẫn giải K đến cổng nhà nơi V đang nấu ăn, lực lượng Công an gặp Phạm Văn Hải - sinh năm 1982 ở An Cư, Trầm Lộng, UH đang đi vào nhà V. Tại thời điểm tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của V (*đang nấu ăn)* có anh Phan Văn K1 - sinh năm 1987 ở TS, KB, Hà Nam đang có mặt ở đó.

Quá trình kiểm tra hành chính lực lượng Công an đã phát hiện: Trong gian buồng của căn nhà V mượn của anh K, sát với nơi V đang nấu ăn (*cách khoảng 2m*) thấy 01 gói nilon màu trắng, bên trong có 07 gói nhỏ có đặc điểm: bên ngoài bọc B nilon màu đen, bên trong bọc B giấy, trong cùng có bột màu trắng và 01 gói nilon có đặc điểm bên ngoài như 07 gói trên. Lực lượng Công an đã niêm phong 08 gói trên vào bì thư đề mẫu A2. Bản thân V chứng kiến việc thu giữ trên nhưng không ký vì cho rằng 08 gói đó không phải là của V. Lực lượng Công an đã lập biên bản có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Phong (*đều là hàng xóm với Lê Văn V).*

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn V, lực lượng Công an còn phát hiện và thu giữ: "*5.500.000đồng; 30 mảnh giấy có kích thước 3x3cm, nhiều mảnh giấy bạc, giấy nilon màu đen và túi nilon nhỏ (được niêm phong); 01 xe mô*

tô nhãn hiệu Honda loại WaveS BKS: 30N2-1937 đã cũ, màu đen, không kiểm tra chất lượng bên trong".

Cùng ngày 30/6/2017, Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH đã ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Lê Văn V, đồng thời ra Quyết định trưng cầu giám định số 104 và 105 đối với các gói vật chứng niêm phong thu giữ của Ngô Văn K và tại nơi ở của Lê Văn V.

Tại kết luận giám định số 4274/KLGĐ-PC54 ngày 14/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an thành phố Hà Nội kết luận *"Chất bột màu trắng bên trong 01 gói (ký hiệu mẫu A1) là ma túy loại Heroin, trọng lượng 0,027 gam*".

Tại kết luận giám định số 4278/KLGĐ-PC54 ngày 14/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an thành phố Hà Nội kết luận *"Chất bột màu trắng bên trong 08 gói (ký hiệu mẫu A2) đều là ma túy loại Heroin, trọng lượng 0,879 gam".*

Quá trình điều tra đã xác định và làm rõ: Khoảng 10 giờ ngày 30/6/2017, Ngô Văn K là đối tượng nghiện ma túy, đi từ nhà đến nhà Lê Văn V để hỏi mua ma túy của V về để sử dụng cho bản thân. Khi tới nhà V, K thấy V đang đứng nấu ăn ở một nhà đối diện, ngoài ra còn có Phạm Văn K1 là người cùng thôn với K đang ở đó. Gặp V, K nói: *"anh để cho em một cái",* ý nói là 01 gói ma túy và K đưa cho V một tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng. Sau đó, V đưa cho K 01 gói nhỏ bọc B nilon màu đen (*K1 chứng kiến toàn bộ sự việc mua bán ma túy giữa K và V)*. K cầm gói ma túy và đi ra ngoài thì bị lực lượng Công an huyện UH kiểm tra, bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng. Từ lời khai của K, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính đối với Lê Văn V. Khi V phát hiện có lực lượng Công an vào kiểm tra, V đã vứt 01 túi nilon màu trắng vào gian buồng để đồ (*gian buồng không có cánh cửa*). Khi lực lượng Công an kiểm tra, trong gói nilon màu trắng có 07 gói nhỏ đều có đặc điểm bên ngoài bọc B nilon màu đen và 01 gói nilon màu đen có đặc điểm trùng với 07 gói trên (*chứng kiến việc V vứt túi nilon vào gian buồng có Phan Văn K1 trực tiếp nhìn thấy*).

Quá trình điều tra - truy tố Lê Văn V không thừa nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 16/11/2017 của Viện tr- ởng viện kiểm sát nhân dân huyện □ng Hoà đã truy tố Lê Văn V về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 194 - BLHS.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh cũng nh- Điều luật, khoản áp dụng nh- trên. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 48 đến 54 tháng tù và áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS phạt bị cáo V từ 07 đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo Lê Văn V cho rằng không có việc bán ma túy cho K và khi Công an vào kiểm tra hành chính có thu giữ 08 gói cách chỗ bị cáo đứng nấu ăn khoảng 2m, nhưng bị cáo không biết là gì và là của ai, đề nghị Tòa xử đúng người đúng tội.

Căn cứ những chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Lê Văn V đều không thừa nhận có hành vi bán 01 gói ma túy cho Ngô Văn K mà bị cáo V chỉ thừa nhận vào sáng ngày 30/6/2017 có Ngô Văn K và Phan Văn K1, hai người đều quê ở xóm 4, xã TS, huyện KB, tỉnh Hà Nam lên nhà V chơi, khi K và K1 đến nhà V được mấy phút thì có hai người Công an đi cùng một người (là Phạm Văn Hải) vào kiểm tra hành chính và thu giữ ở cách nơi V đang nấu ăn *(khoảng 2m*) 01 gói nilon màu trắng, bên trong có 08 gói nhỏ B nilon màu đen, bên trong bọc B giấy, trong cùng có bột màu trắng; Công an lập biên bản có chứng kiến của ông Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Phong (*đều là hàng xóm với Lê Văn V),* bị cáo V không thừa nhận là của mình nên không ký nhận vào biên bản.

Căn cứ lời khai của Ngô Văn K thừa nhận, sáng ngày 30/6/2017 K vừa vào hỏi mua V có bán cho K 01 gói ma túy với giá 200.000đ, sau đó K vừa đi ra đường thì bị Công an bắt quả tang *(bút lục số 80 đến 87)* và căn cứ lời khai của Phạm Văn K1 khẳng định sáng ngày 30/6/2017 K1 có mặt tại nơi V đang đứng nấu ăn, K1 đứng cách chỗ V khoảng 1m có nhìn nghe thấy K vào hỏi V *"Để cho em một cái"* và K đưa cho V 01 tờ tiền 200.000đ, V đưa cho K 01 gói nhỏ B giấy nilong màu đen, sau khi K đi ra được mấy phút, V vẫn đứng nấu ăn nhìn qua cửa sổ thấy Công an vào, K1 nhìn thấy tay phải của V lấy ở túi quần dài bên phải ra 01 gói nilong màu sáng vứt ra gian bên cạnh cách chỗ V đứng khoảng 02m, ngay sau đó Công an đã lập biên bản thu giữ như nội dung nêu trên *(Bút lục số 92 đến 99)*. Nh- vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lê Văn V là đối tượng nghiện ma túy. Tại nhà của em trai ông Nguyễn Văn K, trước đó 02 ngày do bị cáo V sửa bếp đã hỏi mượn ông K để làm bếp nấu ăn, vào sáng ngày 30/6/2017 V đã có hành vi bán cho Ngô Văn K 01 gói Heroin có trọng lượng 0,027 gam với giá 200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được tại nơi V mượn làm bếp đang đứng nấu ăn gồm có 08 gói ma túy *(đều là Heroin),* tổng trọng lượng 0,879 gam.

B hành vi bán trái phép 01 gói Heroin cho Ngô Văn K ngày 30/6/2017 như đã nêu trên của Lê Văn V. Căn cứ vào điểm b tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 của VKSNDTC-TANDTC-BCA-

BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định các tội về ma túy của BLHS năm 1999; Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Văn V đã phạm vào tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*",

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước, làm gia tăng số người nghiện, tệ nạn ma túy trong địa bàn, gây mất trật tự xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Xét về nhân thân và tiền án trước đó đối với V, thấy: ngày 28/3/2011 Lê Văn V đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy - chấp hành xong ra trại ngày 01/02/2013, tiếp đến ngày 31/7/2014 V lại bị Tòa án nhân dân huyện UH xử phạt Lê Văn V 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ra trại ngày 03/3/2016 *{Thấy, hành vi của bị cáo V bị xét xử (lần II) vào ngày 31/7/2014 - bị cáo V đến nhà Huyên nói với Huyên khi nào đi mua ma túy cho V đi cùng, lúc sau Huyên đi xe máy đến nhà V rồi cả hai đi mua ma túy, V lái xe máy chở Huyên, trên đường đi V có đưa cho Huyên 50.000đ nhờ mua hộ, đến nơi V ở ngoài trông xe, Huyên vào mua tổng số tiền 300.000đ được 07 gói Hêrôin có trọng lượng 0,217gam, sau khi Huyên mua xong vẫn cầm trên người 07 gói ma túy, V lái xe chở Huyên về trên đường thì bị bắt}*; nhưng tại bản án số 50/2014/HSST ngày 31/7/2014 Tòa án nhân dân huyện UH đã không áp dụng tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo V, như vậy lần phạm tội và xét xử lần này có lợi cho bị cáo và chỉ thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 - BLHS; vì vậy Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện UH truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 194 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ vào nhân thân, tiền án, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội *{Lần xét xử gần nhất (thứ II) đều về tội ma túy}*, do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo mới phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội, đảm bảo việc răn đe phòng ngừa tội phạm về tội phạm ma túy xảy ra rất nhiều hiện nay. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo không thành khẩn khai báo, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 - BLHS.

Xét, hành vi mua bán trái phép chất ma tuý của bị cáo V để kiếm lời, do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 194 - BLHS, phạt bị cáo V phải nộp một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà N- ớc.

Đối với nguồn gốc ma túy mà V bán cho K và số ma túy thu được khi kiểm tra hành chính đối với V. V không khai nhận là của V, không bán cho K, nên không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ;

Đối với Ngô Văn K đã mua 01 gói ma túy của V giá 200.000đồng mục đích để sử dụng, khi bị bắt quả tang, trọng lượng ma túy K tàng trữ là 0,027gam Heroin, Cơ quan Công an huyện UH đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn K theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định pháp luật.

Đối với Phạm Văn Hải, ngày 30/6/2017 Hải đi đến nhà V mục đích để mua ma túy để sử dụng, nhưng Hải vào mua thì gặp Công an cùng vào chưa mua được. Đối với Phan Văn K1, ngày 30/6/2017 K1 có mặt và chứng kiến việc V bán ma túy cho K và nhìn thấy V ném 01 túi màu trắng ra cách nơi V đứng 02m. Về gian nhà, bếp nơi bị cáo V sử dụng bán ma túy cho Ngô Văn K là thuộc quyền sở hữu của em trai ông K, vợ chồng em trai ông K đi miền Nam làm ăn hơn 10 năm nay, nhà bỏ để không và nhờ ông K trông nom, trước hôm bị bắt 02 ngày, do V đang sửa chữa công trình phụ của nhà V nên đã hỏi mượn ông Nguyễn Văn K để V để sử dụng là nơi nấu ăn, việc bị cáo V bán ma túy ông K không biết - nên đều không có căn cứ để xác định Phạm Văn Hải, Phan Văn K1 và ông Nguyễn Văn K có liên quan trong vụ án, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

* ***Về xử lý vật chứng:*** Đối với chiếc xe mô tô (Honda WaveS) màu đen-xám, BKS: 30N2-1937 đã thu giữ của Lê Văn V. Qua điều tra làm rõ chiếc xe là của ông Hoàng Văn B cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Vương để làm phương tiện đi lại. Anh Vương khi vay V 03 triệu đồng đã gửi lại chiếc xe máy trên cho V để làm tin. Tại phiên tòa bị cáo V tự nguyện, đồng ý, nhất trí đề nghị xin lại chiếc xe máy BKS:30N2-1937 trả cho ông Hoàng Văn B, bà Đoàn Thị H là bố mẹ vợ Nguyễn Văn Vương, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của Lê Văn V. Xét, sáng ngày 30/6/2017 bị cáo V đã sử dụng có liên lạc với Ngô Văn K, nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 5.897.000 đồng thu giữ của Lê Văn V, qua điều tra làm rõ trong số tiền đó có 397.000đồng thu giữ trên người bị cáo V và 5.500.000đ thu trong cốp xe máy của bị cáo. Xét thấy, số tiền 397.000đ trong đó có một tờ mệnh giá 200.000đ là tiền V bán ma túy cho K mà có, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền còn lại 5.697.000đ cần bảo thủ để đảm bảo thi hành án khoản tiền phạt là phù hợp.

Đối với 30 mảnh giấy kích thước khoảng (3x3)cm và một số mảnh giấy bạc, giấy nilon màu đen và túi nilon nhỏ thu giữ của Lê Văn V, không còn giá trị sử dụng và toàn bộ số Hêrôin sau giám định gồm có 02 gói niêm phong gửi trả lại, là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với khoản 1 Điều 41 - BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

**** Về án phí và quyền kháng cáo:***

Căn cứ Điều 99, Điều 231 và Điều 234 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Lê Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và quyền kháng cáo của bị cáo và các đ- ơng sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn V** phạm tội ***"Mua bán trái phép chất ma tuý".***

□p dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 - BLHS; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: **Lê Văn V 42** *(Bốn mươi hai)* tháng tù, thời điểm tù tính từ ngày bắt 30/6/2017.

Phạt bị cáo Lê Văn V phải nộp 10.000.000đ *(Mười triệu đồng chẵn)* để sung công quỹ Nhà Nước.

2. ***Về xử lý vật chứng:*** □p dụng khoản 1 Điều 41 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 - BLTTHS:

+ Trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn B - sinh năm 1960, bà Đoàn Thị H - sinh năm 1960; Trú tại: thôn KB, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS màu đen-xám, BKS: 30N2 - 1937.

+ Tịch thu tiêu huỷ 02 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội gửi lại sau giám định, 01 phong bì mặt bên có chữ ký của Giám định viên Lê Khắc Nam và Ngô Văn K; 01 phong bì mặt bên có chữ ký của cán bộ giám định Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Văn Phong và Nguyễn Văn K.

+ Tịch thu tiêu hủy 30 mảnh giấy kích thước khoảng (3x3)cm và một số mảnh giấy bạc, giấy nilon màu đen và túi nilon nhỏ.

+ Buộc bị cáo phải nộp khoản tiền thu lời bất chính, số tiền là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng chẵn)* để sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại NOKIA màu đen cũ.

+ Bảo thủ số tiền 5.897.000đ *(Năm triệu, tám trăm chín mươi bẩy nghìn đồng chẵn)* đã thu giữ của Lê Văn V để đảm bảo thi hành án.

(*Tình trạng chiếc xe mô tô; điện thoại di động Nokia; 02 phong bì niêm phong và các mảnh giấy nh- biên bản giao nhận đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 06/12/2017; số tiền bảo thủ theo giấy ủy nhiệm chi ngày 06/12/2017)*

3. Căn cứ Điều 98, Điều 99, Điều 231 và Điều 234 - BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ- ợc quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày - kể từ ngày tuyên án; đối với những người vắng mặt - kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết tại trụ sở UBND xã (ph- ờng) nơi ng- ời vắng mặt c- trú./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Cơ quan T.H.A Dân sự huyện □ng Hoà;
- UBND xã HL;
- Các đ- ơng sự;
- L- u H/s; V/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Thiện